

Số: 318/TB-THPTNQ

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc nhận tiền hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I, năm học 2026-2027

Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026.

Nhà trường kính đề nghị quý thầy/cô giáo chủ nhiệm thông báo đến cha mẹ học sinh và học sinh lớp mình thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí học tập trong học kỳ I năm học 2026-2027 (*Có danh sách kèm theo*) đến gặp cô Thắm (Nhân viên Y tế - Thủ quỹ) để nhận tiền hỗ trợ theo đúng quy định.

Thời gian nhận tiền:

- Thứ 7 ngày 31/10/2026: Buổi sáng từ 8 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút

Lưu ý:

- Khi đi quý Cha mẹ học sinh vui lòng mang theo giấy chứng minh nhân dân (CMND) hoặc căn cước công dân (CCCD) của mình và giấy khai sinh hoặc CMND của học sinh được nhận hỗ trợ để làm căn cứ và phát tiền cho đúng đối tượng được nhận hỗ trợ.

- Trường hợp Cha mẹ học sinh không đến nhận tiền được, học sinh trực tiếp nhận tiền thì có Giáo viên chủ nhiệm cam kết, bảo lãnh cho học sinh đó nhận tiền.

Đề nghị Giáo viên chủ nhiệm lớp thông báo đến Cha mẹ học sinh và nhắc nhở các em học sinh thuộc lớp mình quản lý đến nhận kinh phí theo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- BGH, GVCN;
- Thông báo toàn cơ quan;
- Đăng website;
- Thủ quỹ;
- Lưu: VT, VP(Hào).

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Công Vĩnh



Phụ lục

**DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026-2027**

(Kèm theo Thông báo số: 318/TB-THPTNQ ngày 27 tháng 10 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường THPT Ngô Quyền)

ĐVT: đồng

STT	Họ tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ/1 tháng	Số tháng	Thành tiền
	1				
I	Học sinh Dân tộc thiểu số (theo NQ 50/2025/NQ-HĐND)		0	0	33.6000.000
1	Diệp Khánh Thư	10/14	1.200.000	4	4.800.000
2	Tô Gia Khánh	11/3	1.200.000	4	4.800.000
3	Phan Trung Hiếu	11/5	1.200.000	4	4.800.000
4	Du Cát Bảo Nhi	12/1	1.200.000	4	4.800.000
5	Trương Khánh Ngọc	12/4	1.200.000	4	4.800.000
6	Trương Quỳnh An	12/6	1.200.000	4	4.800.000
7	Nguyễn Thị Thanh Trúc	12/7	1.200.000	4	4.800.000
II	Học sinh khuyết tật không thuộc HN, CN (theo NQ 50/2025/NQ-HĐND)				120.000.000
1	Đình Phương Trâm	10/4	1.200.000	4	4.800.000
2	Lê Nguyễn Hồng Minh	10/4	1.200.000	4	4.800.000
3	Lê Công Hiếu	10/4	1.200.000	4	4.800.000
4	Nguyễn Thành Huy	10/6	1.200.000	4	4.800.000
5	Vũ Bùi Bảo Lộc	10/6	1.200.000	4	4.800.000
6	Lê Phước Anh Minh	10/6	1.200.000	4	4.800.000
7	Lê Quang Huy	10/12	1.200.000	4	4.800.000
8	Trịnh Quang Phú	10/12	1.200.000	4	4.800.000
9	Lê Quỳnh Như	10/14	1.200.000	4	4.800.000
10	Dương Hạ Băng	11/4	1.200.000	4	4.800.000
11	Lê Thị Thanh Hồng	11/5	1.200.000	4	4.800.000
12	Nguyễn Huỳnh Gia Huân	11/5	1.200.000	4	4.800.000
13	Nguyễn Chánh Khiêm	11/10	1.200.000	4	4.800.000
14	Nguyễn Quốc Trường	11/10	1.200.000	4	4.800.000
15	Trương Kim Phát	11/10	1.200.000	4	4.800.000
16	Nguyễn Hữu Toàn	11/10	1.200.000	4	4.800.000
17	Võ Đức Thiện An	12/4	1.200.000	4	4.800.000

18	Trần Duy Nghĩa	12/4	1.200.000	4	4.800.000
19	Lê Hoàng Thảo Nhi	12/4	1.200.000	4	4.800.000
20	Trần Thái Nguyên	12/5	1.200.000	4	4.800.000
21	Võ Trần Yến My	12/5	1.200.000	4	4.800.000
22	Phan Tịnh Nghi	12/7	1.200.000	4	4.800.000
23	Mai Nguyễn Khánh	12/10	1.200.000	4	4.800.000
24	Phạm Hương Giang	12/10	1.200.000	4	4.800.000
25	Trần Văn Khánh	12/12	1.200.000	4	4.800.000
III	Cha mẹ thuộc diện hộ nghèo chuẩn Thành phố (Nghị định 238/2025/NĐ-CP)				1.200.000
1	Đặng Hoàng Xuân Huy	10/10	150.000	4	600.000
2	Trần Vân Anh	12/10	150.000	4	600.000
	* Tổng cộng				154.800.000

Danh sách gồm 34 em học sinh./.